

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HS-ST
Ngày: 02-02-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nguyễn Yến Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Cảnh
Bà Trần Ngọc Diệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Yên Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Có - Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 01/2021/TLST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 02/2021/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

NGUYỄN VĂN M, sinh năm 1988 tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: ấp Đ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1968; Vợ, con: chưa có; Tiền án: không; Tiền sự: tại Quyết định số 27/QĐ-XPHC ngày 28/8/2020 của Công an xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, tại Quyết định số 23/QĐ-XPHC ngày 31/8/2020 của Công an xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản; Nhân thân: tại Quyết định số 04/QĐ-TA ngày 11/01/2017 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 20 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, tại Quyết định số 39/QĐ-XPHC ngày 29/9/2020 của Công an xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 05/11/2020. (có mặt)

- Bị hại:

1. Chị Võ Thị Kim V, sinh năm 1984

Nơi cư trú: ấp P, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre

2. Ông Trần Việt T, sinh năm 1969

3. Bà Thái Thị Mỹ H, sinh năm 1968

Cùng cư trú: số 324, ấp Đ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre

(Ông T ủy quyền cho bà H tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 14/10/2020)

Chị V và bà H có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Huỳnh Văn B, sinh năm 1982

Nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre

2. Anh Huỳnh Văn S, sinh năm 1987

Nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre

3. Anh Phạm Thanh D, sinh năm 1987

Nơi cư trú: ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

4. Chị Đặng Thị Cẩm B, sinh năm 1990

Nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre

5. Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1965

Nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre

Tất cả người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 40 phút ngày 26/8/2020, Nguyễn Văn M đi bộ trên Đường tỉnh 885, khi đi ngang tiệm tạp hóa của chị Võ Thị Kim V ở ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre; M phát hiện xe mô tô biển số 71B1-668.87 của chị V dựng trước cửa tiệm không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp. M đến nơi dựng xe, lén lút cạy cốp xe lấy trộm 01 túi xách nữ bằng vải màu xám, bên trong túi xách có số tiền 5.903.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10S, màu đen, điện thoại có sim số thuê bao 0925.018.953. Lấy được tài sản, M rời khỏi tiệm tạp hóa của chị V, sau đó bị người dân phát hiện, truy đuổi và bắt giữ.

Vật chứng thu giữ:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10S, màu đen, loại màn hình cảm ứng; 01 sim điện thoại di động số thuê bao “0925.018.953”;
- 01 túi xách nữ bằng vải, màu xám;
- 5.903.000 đồng VNĐ.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 75/KL-HĐĐG ngày 22/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện G, tỉnh Bến Tre kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10S, màu đen, loại màn hình cảm ứng giá 1.750.000 đồng; 01 túi xách nữ bằng vải, màu xám giá 25.000 đồng. Tổng tài sản có giá trị là 1.775.000 đồng.

Ngoài ra, M đã bị Công an xã P ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 27/QĐ-XPHC ngày 28/8/2020 xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản và Công an xã C ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 23/QĐ-XPHC ngày 31/8/2020 xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản. Hai quyết định này chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính, M lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, cụ thể: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 04/9/2020, M đi bộ ngang phía sau nhà của bà Thái Thị Mỹ H ở ấp Đ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre phát hiện 02 cái chậu bằng sành, trong mỗi chậu có trồng 02 cây hoa huệ

đỏ nên M nảy sinh ý định trộm cắp. M lén lút vào lấy trộm 01 cái chậu trong chậu có 02 cây hoa huệ đỏ mang đi cất giấu tại sân trước của Đình L cách nhà bà H 60m. Sau đó, M quay lại lấy trộm cái chậu còn lại cùng 02 cây hoa huệ đỏ, do nghe tiếng động trong nhà bà H, M sợ bị phát hiện nên đã giấu cái chậu xuống mương nước gần đó rồi bỏ đi về nhà. Đến 18 giờ 40 phút cùng ngày, M qua sân Đình L kiểm tra cái chậu trộm được xem phải đồ cổ hay không. Quá trình kiểm tra do sơ xuất M làm bể miệng chậu. Bà H phát hiện mất 02 cái chậu có trồng 04 cây hoa huệ đỏ nên trình báo Công an xã L. Quá trình điều tra ban đầu, Nguyễn Văn M thừa nhận hành vi trộm cắp của mình và tự nguyện chỉ nơi cất giấu 02 cái chậu cho Công an xã L thu giữ.

Vật chứng thu giữ:

- 01 cái chậu bằng sành, màu nâu, đường kính miệng chậu 30 cm, chiều cao chậu 20 cm, còn nguyên vẹn.

- 01 cái chậu bằng sành, màu nâu, đường kính miệng chậu 30 cm, chiều cao chậu 20 cm, miệng chậu bị bể kích thước 10 cm x 04 cm do Nguyễn Văn M chỉ nơi cất giấu.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 83/KL-HĐĐG ngày 29/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện G, kết luận: 02 cái chậu bằng sành, màu nâu, trị giá 1.400.000 đồng và 04 cây hoa huệ đỏ trị giá 200.000 đồng. Tổng giá trị là 1.600.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 02/CT-VKSGT ngày 13 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn M về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M từ 09 tháng đến 18 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: các bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu gì khác nên không đề cập.

- Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: cơ quan điều tra đã xử lý trả lại tài sản cho các bị hại nên không đề cập.

Bị cáo Nguyễn Văn M khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung cáo trạng truy tố, đồng thời yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị hại và người làm chứng vắng mặt. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra đã có lời khai rõ ràng và phân trách nhiệm dân sự đã được thỏa thuận giải quyết xong nên sự vắng mặt của họ không trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị hại và người làm chứng theo quy định tại khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn M tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị hại và người làm chứng, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, tang vật thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định:

Vào khoảng 18 giờ 40 phút ngày 26/8/2020, tại tiệm tạp hóa của chị Võ Thị Kim V ở ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre, bị cáo Nguyễn Văn M đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của bị hại Võ Thị Kim V 01 túi xách bằng vải màu xám bên trong có: 5.903.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10S. Kết quả định giá tài sản xác định, tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của chị V là 7.678.000 đồng.

Đến ngày 28/8/2020 và ngày 30/8/2020, bị cáo bị Công an xã P và Công an xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản. Mặc dù đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản chưa được xóa, nhưng đến khoảng 16 giờ 30 phút ngày 04/9/2020, bị cáo tiếp tục có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại Trần Việt T và Thái Thị Mỹ H 02 cái chậu sành màu nâu và 04 cây hoa huệ đỏ. Kết quả định giá tài sản xác định, tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của ông T và bà H là 1.600.000 đồng.

[4] Bị cáo Nguyễn Văn M là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của công dân với lỗi cố ý trực tiếp vì động cơ tư lợi, trong đó 01 lần chiếm đoạt tài sản có giá trị trên 2.000.000 đồng nhưng chưa đến 50.000.000 đồng và 01 lần chiếm đoạt tài sản có giá trị dưới 2.000.000 đồng mặc dù đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản chưa được xóa. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức được rằng tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của công dân được Nhà nước bảo hộ, mọi hành vi xâm phạm một cách trái pháp luật đều phải bị xử lý. Nhưng xuất phát từ bản tính tham lam, lười biếng lao động, muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ công sức nên bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị hại, gây khó khăn trong cuộc sống, kinh tế và sinh hoạt của họ, gây mất trật tự, an toàn xã hội và bất bình trong nhân dân nên cần xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị các cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản chưa được xóa nhưng lại tiếp tục vi phạm. Ngoài ra, xem xét quá trình hoạt động của bản thân cho thấy bị cáo đã từng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Đồng thời, sau khi thực hiện hành

vi phạm tội, bị cáo đã tiếp tục bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản. Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo phạm vào tình tiết phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng như: có thái độ khai báo thành khẩn theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định là điều cần thiết nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[7] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Hình phạt bổ sung: xét về hoàn cảnh kinh tế, bị cáo không có nghề nghiệp thu nhập ổn định, không có tài sản nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10S, màu đen, loại màn hình cảm ứng; 01 sim điện thoại di động số thuê bao “0925.018.953”; 01 túi xách nữ bằng vải, màu xám; 5.903.000 đồng VNĐ là tài sản của bị hại Võ Thị Kim V nên Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại cho chị V là phù hợp nên ghi nhận.

Đối với 01 cái chậu bằng sành, màu nâu, đường kính miệng chậu 30 cm, chiều cao chậu 20 cm, còn nguyên vẹn và 01 cái chậu bằng sành, màu nâu, đường kính miệng chậu 30 cm, chiều cao chậu 20 cm, miệng chậu bị bể kích thước 10 cm x 04 cm là tài sản của bị hại Trần Việt T và Thái Thị Mỹ H nên Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại cho ông T, bà H là phù hợp nên ghi nhận.

[10] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Võ Thị Kim V đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là 01 túi xách bằng vải màu xám, 5.903.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10S (cùng sim số) và không yêu cầu gì khác nên ghi nhận.

Bị hại Trần Việt T và Thái Thị Mỹ H đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là 02 cái chậu sành màu nâu, đồng thời không yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị 04 cây hoa huệ đỏ cũng như không có yêu cầu gì khác nên ghi nhận.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn M phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn M 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù;

Thời hạn tù tính từ ngày 05/11/2020.

2. Về án phí: áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn M phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Về quyền kháng cáo: bị cáo Nguyễn Văn M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đối với các bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện G (1b);
- Cơ quan điều tra CA huyện G (1b);
- Cơ quan THAHS CA huyện G (1b);
- Chi cục THA dân sự huyện G (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã L, huyện G (1b);
- Bị cáo, bị hại (4b);
- Bộ phận thi hành án hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Nguyễn Yên Phương